

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIA LỘC  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-12-2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Duy Hiễn

Bà Lê Thị Thanh Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Hoàng Long - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21-12-2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2022/TLST-HNGĐ ngày 10-10-2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05-12-2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Dương Thanh H, sinh năm 1979

2. *Bị đơn:* Chị Lã Thị K, sinh năm 1980

Đều cư trú tại địa chỉ: Thôn VD, xã ĐQ, huyện G, tỉnh Hải Dương.

(Đều vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-10-2022 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Dương Thanh H trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh đăng ký kết hôn với chị Lã Thị K vào ngày 31-01-2000 tại Ủy ban nhân dân xã ĐQ, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống đến đầu năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên bất hòa, cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ

chồng anh đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, không có cuộc sống chung nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị K.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 2 con chung là Dương Thanh P, sinh ngày 10/01/2002 và Dương Mạnh Đ, sinh ngày 02/12/2005. Hiện cháu P đã trưởng thành nên anh không đề nghị giải quyết. Khi ly hôn, do cháu Đ có nguyện vọng ở với chị K nên anh đồng ý giao con cho chị K nuôi, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn chị Lã Thị K trình bày:*

- Về hôn nhân: Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, việc đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, đã ly thân từ năm 2013 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay anh H xin ly hôn, chị xác định không còn tình cảm với anh H nên chị đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung như anh H trình bày. Chị xin nuôi cháu Đ và tự nguyện không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà: Anh H, chị K đều có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh H, xử cho anh H ly hôn chị K. Về con chung: Giao con chung là cháu Dương Mạnh Đ, sinh ngày 02-12-2005 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị K không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Anh H phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn được triệu tập hợp lệ, có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Anh Dương Thanh H và chị Lã Thị K kết hôn vào ngày 31-01-2000, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã ĐQ, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau, nhiều lần xảy ra xô xát. Vợ chồng ly thân từ năm 2013, không có cuộc sống chung. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, không có cuộc sống chung, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần cho anh H ly hôn chị K.

[2] Về con chung: Vợ chồng anh H, chị K có hai con chung là Dương Thanh P, sinh ngày 10/01/2002 và Dương Mạnh Đ, sinh ngày 02/12/2005. Hiện cháu P đã trưởng thành, tự lập về kinh tế, các đương sự không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh H và chị K đều có quan điểm giao cháu Đ cho chị K nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị K là lao động tự do, có công việc và thu nhập tương đối ổn định nên có điều kiện nuôi con, cháu Đ có nguyện vọng ở với mẹ. Do vậy, cần tiếp tục giao cho chị K nuôi dưỡng cháu Đ là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị K tự nguyện không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H, chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Anh H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Dương Thanh H ly hôn chị Lã Thị K.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Dương Mạnh Đ, sinh ngày 02-12-2005 cho chị Lã Thị K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị K không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh H phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0000721 ngày 05-10-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Anh H đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- UBND xã ĐQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Hoài Thanh**